

Số: 27/QĐST-KDTM

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 23/2025/TLST- KDTM ngày 24/11/2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H1). Địa chỉ trụ sở: Số B B, đường N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc L - Chức vụ: Phó Giám đốc Phụ trách H2. Địa chỉ: Số A T, phường Đ, thành phố Đà Nẵng.

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Trần Cảnh V - Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân. Địa chỉ: Số A T, phường Đ, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn*:

+ Ông Lê Lộc T1; sinh năm 1973

+ Bà Tôn Nữ Thị H; sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Khối phố D, phường Đ, thành phố Đà Nẵng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Lê Lộc T1 và bà Tôn Nữ Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H2) số tiền tổng cộng là 675,969,229 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 599,981,613 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 8,829,041 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 67,158,575 đồng đồng;

Lãi suất tính đến ngày 11/12/2025 và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 8127/23MB/HĐTD ngày 18/05/2023 và Khế ước

nhận nợ số 8127/23MB/HĐTD/KUNN02 ngày 17/05/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Trường hợp ông Lê Lộc T1 và bà Tôn Nữ Thị H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H2) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 138; tờ bản đồ số 8a, tại địa chỉ: K, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 267033, số vào sổ cấp GCN: H 0590/QSDĐ do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp ngày 14/07/2009, cập nhập thông tin CSH mới nhất ngày 20/03/2018.

Các tài sản trên được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H2) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10936/21MB/HĐBĐ ngày 01/06/2021, được công chứng tại Văn phòng C (thành phố H, tỉnh Quảng Nam); số công chứng: 001538, quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 01/06/2021.

2.2 Về chi phí tố tụng: Ông Lê Lộc T1 và bà Tôn Nữ Thị H phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H2) đã tạm nộp, ông Lê Lộc T1 và bà Tôn Nữ Thị H phải trả lại chi phí tố tụng cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H2) số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

2.3 Về án phí: Ông Lê Lộc T1 và bà Tôn Nữ Thị H chịu 15.519.000 đồng (Mười lăm triệu, năm trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H2) số tiền 15.103.000 đồng (Mười lăm triệu, một trăm linh ba nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005981, ngày 24/11/2025 của Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. ĐN;
- VKSND KV 10-ĐN;
- THADS TP.ĐN;
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Nhạn